

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện năm 2023; quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 đối với người quản lý, Kiểm soát viên Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh và các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 21/2024/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty TNHH một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện năm 2023; quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 đối với người quản lý, Kiểm soát viên Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh và các Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

(Chi tiết tại danh sách kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra và giám sát thực hiện theo quy định.

3. Các đơn vị tại khoản 1, 2 Điều này chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về thông tin, số liệu thẩm định, phê duyệt theo Quyết định này.

Điều 3. Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Nội vụ; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các đơn vị có tên tại danh sách theo Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (đ/b);
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP (đ/b);
- Lưu: VT, CTTĐT, KGVX_{PTP}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ngọc

Y Ngọc

DANH SÁCH

Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao, quỹ tiền thưởng thực hiện năm 2023 và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2024 đối với người quản lý, Kiểm soát viên Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh và các Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

TT	Tên Đơn vị	Thực hiện năm 2023			Kế hoạch năm 2024	
		Quỹ tiền lương	Quỹ thù lao	Quỹ tiền thưởng ¹	Quỹ tiền lương	Quỹ thù lao
01	Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Kon Tum	570,691	210,960	65,138	782,640	273,240
02	Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Kon Tum	2.788,200	-	348,525	2.788,200	-
03	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Rẫy	1.984,101	-	248,012	1.952,700	-
04	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Tô	1.430,500	-	119,210	1.519,681	-
05	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Kon Plông	1.381,500	-	115,126	1.660,832	-
06	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đăk Glei	1.147,130	-	-	1.158,720	-
07	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ngọc Hồi	1.238,400	-	-	1.275,500	-
08	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Sa Thầy	1.155,000	-	-	1.326,140	-
09	Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Ia H'Drai	1.589,000	-	198,600	1.600,800	-

¹ Quỹ tiền thưởng của các đơn vị tạm tính theo kết quả tự xếp loại của đơn vị. Sau khi có Quyết định xếp loại doanh nghiệp của Ủy ban nhân dân tỉnh, yêu cầu các đơn vị tự điều chỉnh quỹ tiền thưởng của người quản lý, Kiểm soát viên theo quy định.